

Số: 430/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 05 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện; thông tin khác của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Đất đai ngày 18 ngày 01 năm /2024;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024, Báo cáo số 630/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 961/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện; thông tin khác của dự án đối với 22 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất.

(Có 01 biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng

BIỂU DANH MỤC TRÌNH HỖND TỈNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, THỜI GIAN VÀ THÔNG TIN KHÁC CỦA DỰ ÁN THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HỖND TỈNH THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT
(Kèm theo Nghị quyết số: 430/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)



TT	Tên dự án, công trình thực hiện	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HỖND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đã được HỖND tỉnh thông qua (m2)					Diện tích, loại đất sau điều chỉnh, bổ sung (m2)								Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Điều chỉnh thông tin khác (điều chỉnh tên dự án, căn cứ thu hồi đất theo điều 79 Luật Đất đai 2024)	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện: VB điều chỉnh, bổ sung.	
				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Đất rừng sản xuất	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh			Nguồn vốn	
					Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng							Đất chưa có rừng
VĂN HỒ																				
1	Tuyến đường nội bộ khu trung tâm hành chính, chính trị huyện (từ khu quy hoạch chợ - hồ sao đỏ)	xã Văn Hồ	Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	22.100,0					22.100,0								Năm 2025-2026	Nghị quyết 39/NQ-HĐND ngày 07/12/2020	Ngân sách huyện	
2	Hạ tầng khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Văn Hồ	xã Văn Hồ	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 8/12/2022	50.000,0		3.000,0			47.000,0								Năm 2025-2026	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 của HĐND tỉnh	NSTU+tỉnh	
3	Hạ tầng khu tái định cư khu công nghiệp Văn hồ	xã Văn Hồ	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 8/12/2022	185.000,0					185.000,0								Năm 2025-2026	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 của HĐND tỉnh	NSTW+tỉnh	
MỘC CHÂU																				
4	Đường trục chính đô thị -nội thị Mộc Châu	TT NT Mộc Châu, TT Mộc Châu, xã Mường Sang	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 02/06/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	424.300,0	15.396,8	63.000,0			345.903,2	421.300,0	15.396,8	60.000,0			6.159,4	339.743,8		Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	Ngân sách trung ương, nguồn vốn tiền sử dụng đất tỉnh	
5	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (GD4) TT Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	56.257,0					56.257,0	56.257,0					50.048,0	6.209,0	Năm 2025-2026	QĐ số 3294/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	NS huyện	
6	Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thuồng Cưỡng, xã Văn Hồ, huyện Văn Hồ	Tiểu khu Vườn Đào, TTNT Mộc Châu	Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	44.000,0					44.000,0	38.449,5					21,8	38.427,7	Năm 2025-2026	261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021	NS tỉnh	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)						Diện tích, loại đất sau điều chỉnh, bổ sung (m2)						Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.						
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Diất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD, RSX)		Diất khác thời gian thực hiện thu hồi đất	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn				
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất trồng lúa		Đất rừng PH							Đất rừng sản xuất			
Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất chưa có rừng	Đất chưa có rừng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)												
7	Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	26.100,0					26.100,0	21.252,4						6.454,0	14.798,4	Năm 2025-2026	Điều chỉnh	67/NQ-HĐND ngày 12/8/2022	NS huyện và nguồn vốn khác	
8	Xử lý khắc phục sạt lở do thiên tai khu vực trung tâm xã Quy Hương, huyện Mộc Châu	Bản Suối Giăng, xã Quy Hương	Nghị quyết số 264/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	4.400,0					4.400,0	3.567,0						2.264,0	1.303,0		Điều khoản thu hồi đất theo khoản 1, khoản 12 Điều 79	QĐ số 518/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	NV dự phòng NS TW	
QUỲNH NHAI																						
9	Tiểu thoát nước chống ngập úng Trung tâm huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giăng	số 281/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	12.000,0	2.000,0				10.000,0	6.686,0						1.428,0	2.551,1	2.706,9			NQ số 240/NQ-HĐND ngày 15/11/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	Ngân sách tỉnh và nguồn thu tiền sử dụng đất
10	Bổ trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Ngựa, xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	số 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	31.548,2			2.850,9		28.697,3	31.548,2								31.548,2	Năm 2025-2026		Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND tỉnh; số 955/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh	NSNN
11	Đường GTNT liên xã từ bản Nà Mùn, xã Chiềng Khay - bản Phát - bản Ít Pháy xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Khay, xã Cà Nàng	số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; số 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	291.900,0	8.000,0		90.000,0		193.900,0	453.870,0	12.300,0			226.450,0	89.170,0			125.950,0	Năm 2025-2026	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) - xã Chiềng Khay (bản Nà Mùn) huyện Quỳnh Nhai	NQ 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh; QĐ số 2667/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND tỉnh; NQ số 372/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	NSTW và NS tỉnh
THUẬN CHÂU																						
12	Nhà văn hoá xã Mường É	Xã Mường É	NQ số 150/NQ-HĐND ngày 14/6/2024	6.000,0			1.500,0		4.500,0	4.720,0								4.720,0			QĐ số 5669/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện Thuận Châu	Vốn chương trình MTQG xây dựng NTM; vốn CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)						Diện tích, loại đất sau điều chỉnh, bổ sung (m2)						Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Điều chỉnh thông tin khác (điều chỉnh tên dự án, căn cứ thu hồi đất theo điều 79 Luật Đất đai 2024)	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.			
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Diện tích đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐĐ, RSX)			Diện tích đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐĐ)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất trồng lúa		Đất rừng PH								Đất rừng sản xuất
					Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng							
13	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220kV Sơn La - Điện Biên	Huyện Thuận Châu	NQ số 150/NQ-HĐND ngày 14/6/2024	81.621,0	4.004,0				77.617,0	82.691,0	4.004,0	2.759,0				75.928,0		QĐ số 191/QĐ-HĐTV ngày 30/11/2020 của Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Nguồn vốn EVNNPT	
14	Đường Bon Phăng - Năm Lâu	Xã Năm Lâu, xã Bon Phăng	NQ số 176/NQ-HĐND ngày 18/4/2023	170.000,0	2.000,0		50.000,0	118.000,0	130.000,0	4.382,4	78,3		961,9			124.577,4		QĐ số 1082/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	
BẮC YÊN				-																
15	Sắp xếp ổn định dân cư Suối Tào bản Tằng, xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	48.292,0	5.000,0			43.292,0	37.838,6							37.838,6	Năm 2025-2026	Số 88/NQ-HĐND tỉnh ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	Ngân sách Trung ương	
16	Bổ trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	Xã Hua Nhàn Xã Tạ Khoa	Nghị quyết số 336/NQ-HĐND ngày 14/6/2024	49.500,5			25.529,0	5.712,4	49.500,0				27.673,3			21.826,7		Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở	
17	Dự án khai thác mỏ thạch anh tại bản Phiêng Ban A	Xã Phiêng Ban	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	8.000,0	8.000,0				6.723,1		927,1				4.920,9	875,1	Năm 2025-2026	Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Vốn nhà đầu tư	
THÀNH PHỐ																				
18	Dự án Hạ tầng khu dân cư lô số 4 (4B, 4C) thành phố Sơn La	Phường Tô Hiệu, Chiềng Lê, thành phố Sơn La	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh	63.200,0	45.000,0			18.200,0									Năm 2025-2026	Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 23/03/2017, Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/07/2020, Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố; Công văn số 3026/UBND-TCKH ngày 27/9/2024 của UBND thành phố Sơn La.	Vốn ngân sách thành phố	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)						Diện tích, loại đất sau điều chỉnh, bổ sung (m2)						Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất	Điều chỉnh thông tin khác (điều chỉnh tên dự án, căn cứ thu hồi đất theo điều 79 Luật Đất đai 2024)	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó				Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐĐ, R SX)			Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất trồng lúa		Đất rừng PH						
Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất chưa có rừng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RĐĐ)									
19	Dự án Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại tổ 5 (Khu vực Trung tâm truyền dẫn sóng phát thanh cũ) phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 05/12/2019	10.000,0	1.770,0				8.230,0							Năm 2025-2026	Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 10/8/2018, Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh và Công văn số 1559/UBND-KT ngày 13/4/2024 của UBND tỉnh	Khai thác từ quỹ đất của dự án
20	Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Bệnh viện đa khoa Sơn La	Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	49.055,0					49.055,0							Năm 2025-2026	Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 25/10/2017, Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Khai thác từ quỹ đất của dự án
SÓP CỘP																		
21	Nhà trực tổ cụm điện xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	Nghị quyết số 51/NQHĐND ngày 08/12/2021	151,0					151,0							Năm 2025-2026	Số 326/QĐEVNNPC ngày 01/02/2016 của Tổng ty điện lực miền Bắc	Vốn KHCB điện lực miền Bắc
22	Bố trí, sắp xếp dân cư tập trung (tại chỗ) bản Năm Pùn, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	Nghị quyết số 150/NQHĐND ngày 08/12/2022	15.570,0					15.570,0							Năm 2025-2026	Nghị quyết số 88/NQHĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh	MTQG 1719